

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM  
THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH**

*Phúc giảng lần thứ hai: Cô Lưu Tố Vân*

*Thời gian: 20/08/2021*

*Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa*

**Tập 98**

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiết học trước, chúng tôi đã cùng chia sẻ một bài kệ của Hạ Liên lão, liên quan đến việc niệm Phật như thế nào, cảnh giới của bài kệ đó cao sâu, phàm phu thông thường chẳng thể khế nhập. Vì sao tôi lại chia sẻ với mọi người vậy? Bởi vì từ trong chia sẻ trên mạng, tôi vui mừng phát hiện ra rằng: có đồng tu đã đạt được cảnh giới tu hành đến một độ cao nhất định, tuy số lượng chẳng phải rất nhiều, nhưng không phải là không có. Đây chính là chúng sanh căn cơ chín muồi mà chúng ta thường nói, hoặc đó là sự thị hiện cứu khổ cứu nạn của Bồ-tát.

Năm 1944, Hạ Liên lão tại đạo tràng niệm Phật ở am Cực Lạc làm bốn bài kệ, được lưu truyền rộng rãi. Rất nhiều đồng tu đều biết bốn bài kệ này. Hôm nay, chúng tôi một lần nữa xin chia sẻ lại bốn bài kệ của Hạ Liên lão. Một là bày tỏ sự tưởng nhớ đến ngài, hai là có thể thương thức ý vị từ lời của bậc thánh.

*Bài thứ nhất:*

Niệm Phật tối ky  
Tinh thần tán loạn  
Câu chữ mơ hồ  
Trước nhanh sau chậm  
Đã không âm nhiếp  
Lại chẳng nối liền  
Tâm không hợp miệng  
Thanh không nhiếp niệm  
Qua loa dưỡng thức  
Người xưa than rằng  
Cách niệm như vậy

Mãi khó thành phiền.

*Bài thứ hai:*

Tiếng hòa nhịp đều  
Chữ ngay âm rõ  
Khẩn thiết, khẩn khít  
Điềm đạm an nhàn  
Thanh hợp với tâm  
Tâm ứng với thanh  
Thanh tâm nối liền  
Vọng niệm tự dứt

*Bài thứ ba:*

Phật hiệu như châu  
Ý như sợi dây  
Chia thì tách rời  
Hiệp thì thành chuỗi  
Tâm không rời Phật  
Miệng không rời niệm  
Nhu dây xoắn châu  
Liên tục chẳng dứt.

*Bài thứ tư:*

Chưa được nhất tâm  
Trước cầu chuyên niệm  
Chưa được bất loạn  
Trước học thành phiền  
Thật chuyên, thật cần  
Tự thấy hiệu quả  
Không cần hỏi người  
Xin hãy tự nghiệm.

Về bốn bài kệ này, Hoàng Niệm lão có sự giải thích khá tường tận, mời các đồng tu tham khảo phần Liên Tông Diệu Đế và Tịnh Ngữ Tam Tắc trong tác phẩm Tâm Thanh Lục của Hoàng Niệm lão.

Tiếp theo tôi tiếp tục giảng phần sau cùng của phẩm kinh văn này. “Mười phương chư Phật, chỉ một đường vào cửa Niết-bàn.” Tuy Niết-bàn là một con đường, nhưng do phương tiện nên có nhiều cửa. Vì có một số phương tiện ban đầu, chỗ hạ thủ ban đầu, cho nên có Thiền, có Mật, có Giáo, có Quán. Tám vạn bốn ngàn loại pháp môn, pháp môn nào cũng đều được cả. Tám vạn bốn ngàn pháp môn là phương tiện mà nói, không những chỉ có tám vạn bốn ngàn pháp môn, mà là vô lượng pháp môn, nhưng trở về nguồn thì chỉ có một, “một đường vào cửa Niết-bàn”.

Ba đức của Niết-bàn là bát-nhã, giải thoát, pháp thân. Trong nhiều môn phương tiện thì phương tiện rất ráo là ở đâu? Kinh này lấy đại bi làm căn, lấy Bồ-đề làm nhân, dùng phương pháp phương tiện nhất để độ sanh thì mới gọi là rất ráo. Phương tiện rất ráo chính là ở việc vãng sanh. Bạn ở trong thế giới này, tu đến mức đoạn hết kiến hoặc, phá sạch vô minh, thì việc này mười phần gian khó. Rất nhiều việc cần phải đến cõi Tịnh độ mà làm, có rất nhiều phương tiện. Tu pháp môn khác, đời này muốn ra khỏi Tam giới thì là đạo khó hành. Nên bất luận là tọa Thiền hay tu Mật thì đều phải cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc. Tinh xá Liên Hoa lấy việc cầu sanh Cực Lạc làm nguyện chung, nơi này vượt hơn rất nhiều đoàn thể tu theo Mật giáo khác, bởi vì họ cầu sanh cõi Tịnh, cho nên là đạo dễ hành. Chí tâm tin ưa, nguyện vãng sanh thì mười niệm được sanh.

Chánh tu của Tịnh độ tông chính là trì danh, nhưng bạn tu pháp khác mà có thể phát nguyện cầu sanh Tịnh độ thì vẫn được đức Di-đà nhiếp thọ. Đại sư U Khê khi giảng Sanh Vô Sanh Luận thì thiên nhạc đầy trời, đại sư viết Viên Trung Sao, Sanh Vô Sanh Luận, đã niệm 100.000 biến chú Vãng Sanh mà vãng sanh. Cho nên chỉ cần chí tâm hồi hướng thì đều có thể vãng sanh. Ví dụ thi đại học, tốt nghiệp cấp ba rồi thi Đại học, người có học lực tương đương thì cũng có thể thi, nhưng vẫn là người tốt nghiệp cấp ba thì thi đậu nhiều. Theo chánh tông thì niệm Phật vẫn là tốt nhất, nếu chẳng phải chánh tông thì cũng được. Có người tham Thiền hỏi đại sư Ngẫu Ích rằng: “Con không tham Thiền nữa, con niệm Phật đây!” Đại sư nói: “Không cần, đem công đức tham Thiền hồi hướng là được rồi”. Cần phải viên dung, nếu không thì sẽ sanh ra rất nhiều phân biệt, chấp trước.

### *“Cầu sanh cõi Tịnh”*

Câu này cực kỳ thù thắng, nguyện phải thiết, xin chú ý chữ “thiết” này rất quan trọng. “Thiết” chính là không đi không được, không có lựa chọn thứ hai. Nếu

nguyện của bạn không kiên định, không khẩn thiết thì bạn không thể vãng sanh. Xin nêu ví dụ để nói, nếu hiện nay bạn có người mình ưa thích, hoặc có người mình chán ghét, thì bạn cũng không thể vãng sanh được. Vì sao vậy? Bạn thích ai đó thì chính là lưu luyến, bạn ghét ai đó thì cũng là lưu luyến, bởi vì bạn thích ai thì trong tâm cứ nghĩ mãi đến họ; bạn ghét ai thì trong tâm cũng cứ nghĩ đến mãi. Yêu và hận là như nhau, ưa thích và chán ghét là như nhau. Điều là không buông xuống được, không buông xuống được thì chính là lưu luyến, bạn có hiểu đạo lý này không? Cầu sanh cõi Tịnh, nếu còn có chút gì đó không buông xuống được thì chẳng thể vãng sanh cõi Tịnh.

Tiếp theo mời xem một đoạn khai thị của đại sư Ân Quang.

“Pháp môn Tịnh độ, lý cực cao sâu, sự rất giản dị. Do có kẻ thiên tư thông minh mẫn tiệp, tri kiến cao siêu khác hẳn, mỗi mỗi đều xem đây là việc làm của hạng ngu phu ngu phụ, nên chẳng chịu tu trì. Nào biết đây là pháp môn rốt ráo để hết thảy mười phương ba đời chư Phật, trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh từ đầu đến cuối? Họ thấy hạng ngu phu, ngu phụ có thể tu được nên bèn coi thường pháp môn này. Sao chẳng xét trong hội Hoa Nghiêm, bậc đã chứng bằng với ngài Phổ Hiền, bằng với chư Phật, còn phải dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, ngũ hầu viên mãn Phật quả ư? Nếu xem thường pháp môn Tịnh độ mà chẳng thêm tu, thì đã coi những vị trong hội Hoa Nghiêm thuộc hạng người nào? Lại chỗ quy tông sau cùng của kinh Hoa Nghiêm, nên tôn trọng hay nên coi thường đây? [Có thái độ như vậy] không gì khác hơn là vì chưa xét kỹ nguyên do của các pháp môn thông thường và đặc biệt, cho đến tự lực, Phật lực, lớn nhỏ, khó dễ nên mới đến nỗi như thế. Nếu đã xét kỹ, há chẳng học theo Hoa Nghiêm hải chúng, nhất trí tiến hành cùng cầu vãng sanh ư?”

Đoạn khai thị này, mỗi ngày đọc mười lần thì nghĩa kia tự hiểu.

Tôi đã giảng xong phẩm kinh văn thứ 46, tiếp theo quy nạp trọng điểm một chút.

Trọng điểm của phẩm kinh văn thứ 46, phẩm kinh văn này có 7 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Việc Phật ba lần tán thán pháp môn Tịnh độ niệm Phật được thể hiện ở trong câu kinh văn nào? Nội dung cụ thể của ba lần tán thán này là gì? Bạn đối với sự tán thán này có cảm ngộ thế nào? Pháp vô thượng của chư

Phật Như Lai, pháp thập lực, vô úy, vô ngại, vô trước thậm thâm và pháp của Bồ-tát như: ba-la-mật v.v. Lần tán thán thứ nhất là: pháp vô thượng của chư Phật Như Lai. Lần tán thán thứ hai là: pháp thập lực, vô úy, vô ngại, vô trước thậm thâm. Lần tán thán thứ ba là: pháp của Bồ-tát như: ba-la-mật v.v.

Trọng điểm thứ hai: Làm thế nào lý giải hai câu kinh văn “người có thể thuyết pháp còn khó khai thị”? Tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ cần phải có điều kiện gì? Kinh Vô Lượng Thọ khó giảng, đây là thật, vì sao vậy? Bởi vì bộ kinh này là pháp thậm thâm của Như Lai (xin chú ý hai từ “thậm thâm”); là pháp của Bồ-tát như ba-la-mật v.v.; là pháp có thể qua được bờ bên kia. Ngôn ngữ văn tự chẳng thể biểu đạt được pháp này. Tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ phải có điều kiện: người giảng pháp chắc chắn được uy thần của mười phương ba đời hết thầy chư Phật gia trì; người nghe pháp nhất định được uy thần của mười phương ba đời hết thầy chư Phật gia trì; đạo tràng giảng pháp nhất định được uy thần của mười phương ba đời hết thầy chư Phật gia trì.

Trọng điểm thứ ba: Vì sao đức Phật ân cần tha thiết dặn dò Bồ-tát thủ hộ Đại kinh? Phật dạy chúng ta làm thế nào thủ hộ Đại kinh? Làm lợi ích cho các hữu tình trong đêm dài, chẳng để cho chúng sanh chìm đắm đọa lạc trong năm đường. Làm thế nào thủ hộ Đại kinh? Nên siêng tu hành, thuận theo giáo pháp của Ta, nên hiếu với Phật, thường nhớ ân thầy, khiến cho pháp này trụ lâu không diệt, hãy nên gìn giữ vững chắc, đừng để hủy hoại mất mát.

Trọng điểm thứ tư: Tám câu sau cùng là phần tổng kết cuối cùng của kinh văn toàn kinh, cũng là trọng điểm của phẩm kinh văn này. Tám câu kinh văn này thù thắng ở chỗ nào? Nội dung cụ thể của tám câu kinh văn này là gì? “Thường niệm chẳng dứt thì đắc đạo nhanh chóng. Pháp của Ta như thế, thì Ta nói như thế, Như Lai đã hành trì, cũng nên theo đó mà hành trì, tu các phước thiện, cầu sanh cõi Tịnh”. Nêu rõ cả lý lẫn sự, chánh hạnh và trợ hạnh đều có, mật tạng của Như Lai toàn bộ đều được phơi bày, chẳng giữ lại mảy may.

Trọng điểm thứ năm: Bạn lý giải câu “từ sự trì đạt đến lý trì thì tâm phàm thành tâm Phật” như thế nào? Từ sự trì mà đạt đến lý trì, việc này không thể đảo lộn; từ sự trì thì mới giúp được, thậm hợp đạo mâu, bất tri bất giác bạn bèn khéo nhập Vô Sanh. “Tức tâm phàm thành tâm Phật”, tâm phàm này của bạn trở thành tâm Phật rồi. Pháp này thù thắng hơn so với các pháp khác. Bạn không hiểu lý trì,

cũng không làm được, đối với lý trí bạn không biết làm từ đâu. Bởi vì bạn không giác ngộ mà đều là nghe nói, biết là nên như vậy nhưng bạn làm không được, bởi vì bạn chưa khế nhập cảnh giới này.

Trọng điểm thứ sáu: Bốn bài kệ của Hạ Liên lão, hiện nay đọc và trước đây đọc có cảm nhận khác nhau ra sao?

Trọng điểm thứ bảy: Một đường vào cửa Niết-bàn và tám vạn bốn ngàn pháp môn có quan hệ như thế nào? Làm thế nào để nhận thức chính xác các tôn giáo khác nhau và các pháp môn khác nhau?

Tiếp theo tôi bắt đầu giảng phẩm kinh văn thứ 47:

### **PHƯỚC HUỆ THỈ VĂN ĐỆ TỨ THẬP THẤT**

Phẩm kinh văn này là thán đức lưu thông. Thỉ văn là bài tụng thất ngôn, tổng cộng có tám bài, có thể phân làm ba đoạn. Đoạn thứ nhất, người thọ trì nhất định được sanh Tịnh độ. Đoạn thứ hai, cảm thán Phật pháp khó được nghe. Đoạn thứ ba, lại khuyên người tin nhận thì sẽ được độ. Phẩm kinh văn này dùng hình thức trùng tụng, nói rõ tất cả chúng sanh, do trong đời quá khứ có tu phước, tu huệ, thiện căn đã chín muồi, nên mới có thể nghe đến bộ kinh này.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Nhược bất vãng tích tu phước huệ  
Ư thử chánh pháp bất năng văn  
Đĩ từng cúng dường chư Như Lai  
Tắc năng hoan hỷ tín thử sự.**

*Nếu xa xưa không tu phước huệ,  
Thì chẳng được nghe chánh pháp này  
Đã từng cúng dường các Như Lai  
Mới vui mừng tin nổi việc này.*

Đây là bài kệ thứ nhất: Lúc xa xưa đã tu phước, tu huệ thì mới có thể nghe đến pháp này. Có thể thấy rằng có duyên gặp được kinh điển, nghe đến pháp môn này thì quyết chẳng phải là sự việc ngẫu nhiên, đều là trong đời quá khứ, thiện căn, phước đức vô cùng sâu dày. “Đã từng cúng dường các Như Lai” thì bạn mới có thể

sanh tâm hoan hỷ mà tin sự việc này. Mọi người trong thời đại này, thiện căn, phước đức, nhân duyên trong quá khứ đều đã chín muồi. Vì vậy người tiếp xúc đến bộ kinh điển này và pháp môn niệm Phật, họ là người đương cơ của kinh này, cũng chính là đối tượng thọ trì kinh này.

**Ác, kiêu, giải đãi cập tà kiến  
Nan tín Như Lai vi diệu pháp  
Thí như manh nhân hằng xử ám  
Bất năng khai đạo ư tha lộ.**

*Ác, kiêu, giải đãi và tà kiến  
Khó tin Như Lai vi diệu pháp,  
Như người mù ở mãi trong tối  
Chẳng thể chỉ đường cho kẻ khác.*

Đây là bài kệ thứ hai, nói rõ những người nào không phải là người đương cơ của kinh Vô Lượng Thọ. “Ác” là chỉ cho thập ác, người tạo mười nghiệp ác, người cống cao ngã mạn, người giải đãi lừa dối, người tà tri tà kiến, bốn loại người này chẳng thể tin pháp vi diệu này, chướng ngại họ đời này tu học pháp môn vô thượng này. Trong đêm đen tối cũng chẳng thể chỉ đường cho người khác. Người có những tập khí ác này, ví như mắt bị mù, không nhìn thấy được đại quang minh tạng của Phật, vĩnh viễn sống trong sự tăm tối. Bản thân người mù đã không nhìn thấy đường, sao có thể chỉ đường cho người khác được? Hàm nghĩa của câu này rất sâu, tổ sư đại đức từ xưa đến nay gọi là “người mù dắt kẻ đi”, người mù dẫn đường cho một đám người mù khác, cùng dắt nhau vào hầm lửa, đây là tỉ dụ. Kinh Lăng-nghiêm nói: “Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng”. Bản thân chưa tìm ra đường thoát khỏi Tam giới mà lại đi dẫn dắt và chỉ đường cho người khác, kết quả là: khiến cho nhiều người phát tâm cầu chánh pháp đọa lạc oan uổng, gánh lấy nhân quả rất lớn. Cũng chính là nói, do bản thân không có trí tuệ chân chánh, nên làm lầm lạc chúng sanh, gây chướng ngại cho đại pháp đệ nhất, chướng ngại cơ duyên được độ trong đời này của chúng sanh, chướng ngại cơ hội đời này thành Phật của chúng sanh, tội lỗi cực kỳ sâu nặng. Người như trên chẳng phải là người đương cơ của kinh Vô Lượng Thọ, cũng chẳng phải là người thọ trì kinh Vô Lượng Thọ.

**Duy tăng ư Phật thực chúng thiện**

**Cứu thế chi hạnh phương năng tu.  
Văn dĩ thọ trì cập thư tả  
Độc tụng tán diễn tịnh cúng dường.  
Như thị nhất tâm cầu Tịnh phương  
Nhất định vãng sanh Cực Lạc quốc  
Giả sử đại hỏa mãn Tam thiên  
Thừa Phật uy đức tất năng siêu.**

*Chỉ từng nơi Phật trông căn lành  
Thì mới tu nổi hạnh cứu đời  
Nghe rồi thọ trì và biên chép  
Đọc, tụng, khen, diễn và cúng dường.  
Nhất tâm như vậy cầu cõi Tịnh  
Nhất định vãng sanh nước Cực Lạc.  
Giả sử lửa lớn khắp Tam thiên  
Nhờ uy đức Phật vượt qua được.*

Đây là hai bài kệ thứ ba và thứ tư. Hai bài kệ này nói rõ việc thọ trì, vãng sanh cần phải có những điều kiện gì? Điều kiện thứ nhất là: trong đời quá khứ đã từng ở nơi vô lượng vô biên chư Phật Như Lai gieo trồng căn lành. Điều này, những đồng tu đang ngồi đây của chúng ta mỗi người đều đã đầy đủ. Hạnh cứu đời, “hạnh” là hiện hành, bạn hiện tại thật sự có tâm từ bi, thật sự phát tâm tiếp nối huệ mạng Phật, cứu giúp các chúng sanh khổ nạn, cũng có thể là có tâm này nhưng sức lực chẳng đủ. Phật nói, chỉ cần bạn có tâm chân thật thì công đức bèn viên mãn. Bạn không có năng lực, tôi cũng không có năng lực, năng lực từ đâu mà có? Phải dựa vào sự gia trì của Phật Bồ-tát. Tôi phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ là ví dụ chứng minh tốt nhất. Vì sao tôi có thể giảng được? Uy thần của chư Phật Như Lai gia trì nên mới giảng ra được.

Phật Bồ-tát gia trì nhiều ít thì phải xem phát tâm của bạn lớn hay nhỏ, thật hay giả mà có khác biệt. Bạn phát tâm chân thật, phát tâm lớn thì sức uy thần của chư Phật Bồ-tát gia trì cũng lớn; bạn phát tâm nhỏ, phát tâm thiên lệch thì chư Phật Bồ-tát cũng gia trì, nhưng sức gia trì cũng nhỏ. Đây là cảm ứng đạo giao, chúng sanh có cảm thì Phật có ứng, [chỉ xem] cảm của bạn có thật hay không, có lớn hay không. Nhất tâm nhất ý giúp chúng sanh khổ nạn có thể nghe được chánh pháp, có



thể trong đời này được độ, đó chính là phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tâm này đáng quý. Tâm này vừa phát thì được chư Phật hộ niệm, long thiên ủng hộ.

Sau khi phát tâm thì chúng ta nên làm những việc gì? Làm như thế nào? “Nghe rồi” là bạn nghe được bộ kinh này rồi bạn có thể tin tưởng, có thể tiếp nhận. Tin tưởng là hoàn toàn không hoài nghi, thọ trì là hoàn toàn tiếp nhận. “Trì” là giữ gìn, niệm niệm đều không lìa khỏi lời dạy của Phật. Y giáo phụng hành, nương vào tiêu chuẩn của kinh điển này mà sửa đổi tư tưởng, kiến giải, lời nói, hành vi sai lầm của chính mình cho tương ứng với kinh thì mới là đệ tử tốt của Phật.

Chúng ta giúp đỡ người khác, thứ nhất chính là lưu thông kinh điển, đem kinh Vô Lượng Thọ và pháp môn Tịnh độ niệm Phật giới thiệu cho tất cả chúng sanh hữu duyên. Lưu thông kinh sách thì phải in cho đẹp, khiến cho người không tin nhìn thấy quyển kinh cũng sinh tâm hoan hỷ, cũng trân quý, yêu mến, như vậy thì mới đạt được mục tiêu giúp người. Nếu chúng ta dùng tâm qua loa mà làm thì đã đánh mất sự cung kính. Chúng ta lưu thông kinh sách thì tuyệt đối không được in trên đó “sở hữu bản quyền, in lại sẽ bị truy tố”, làm như vậy thì gánh lấy nhân quả nặng nề. Nên in trên đó là “hoan nghênh sao chép, công đức vô lượng”. Công đức của ai vô lượng? Công đức của chính bạn vô lượng, bởi vì bạn giúp chư Phật lưu thông chánh pháp, không làm chướng ngại chánh pháp thì công đức vô lượng.

Khen, diễn, “khen” là khen ngợi, “diễn” là diễn nói. Khen và diễn đều thuộc về hoằng dương, đều đem bộ kinh này giới thiệu và tiến cử cho người khác, giảng giải cho người khác nghe. Bạn giảng hết toàn bộ quyển kinh, tốt! Giảng một phẩm kinh trong đó cũng tốt, giảng một câu kệ cũng tốt, giảng một hai câu trong đó cũng tốt luôn. Đây đều thuộc về khen, diễn. Đặc biệt là diễn, trong diễn có khen, trong khen không có diễn. Diễn là phải làm được, tức là biểu diễn. Làm thế nào biểu diễn? Phải đem nghĩa kinh hoàn toàn ứng dụng vào trong cuộc sống. Đời sống chính là bộ kinh Vô Lượng Thọ sống động, đem kinh Vô Lượng Thọ biểu diễn ra cho mọi người xem.

“Cúng dường” là chúng ta giảng bộ kinh điển này, giảng pháp môn này, tặng cho người khác làm quà. Chúng ta mỗi ngày niệm Phật thì chân thành hồi hướng cho chúng sanh, đây là cúng dường.

“Như vậy” là như trên đã nói, “nhất tâm cầu cõi Tịnh”, nhất tâm nhất ý chuyên cầu thế giới Tây Phương Cực Lạc, chính là một đời chỉ có một phương hướng, chỉ có một mục tiêu, chỉ có một nguyện vọng.

“*Giả sử lửa lớn khắp tam thiên, nhờ oai đức Phật vượt qua được*”, hai câu kệ này là Phật chứng minh cho chúng ta, người y giáo tu hành thì nhất định vãng sanh nước Cực Lạc. Như thế nào là y giáo phụng hành? Làm được năm câu dưới đây:

“Chỉ từng nơi Phật trông căn lành, thì mới tu nổi hạnh cứu đời, nghe rồi thọ trì và biên chép, đọc, tụng, khen, diễn và cúng dường, nhất tâm như vậy cầu cõi Tịnh” thì nhất định vãng sanh nước Cực Lạc.

Vào lúc đại kiếp nạn thì Phật sẽ hiện thân tiếp dẫn bạn, nhất định phải có tín tâm, phải thật sự tin tưởng lời Phật đã nói, bất luận gặp phải tai nạn gì thì bất cứ lúc nào cũng đều có thể vãng sanh. Đây là Phật thọ ký cho chúng ta, thật sự cho người niệm Phật chúng ta một viên thuốc định tâm, chẳng còn hoài nghi nữa. Gặp phải kiếp nạn gì thì cũng đừng hốt hoảng, cũng đừng sợ hãi, hãy nhất tâm niệm Phật. Đây là lời Phật nói trong phẩm thứ 47 của kinh Vô Lượng Thọ, Phật không vọng ngữ, nhất định không bỏ lỡ thời cơ tiếp dẫn.

**Như Lai thâm quảng trí huệ hải  
Duy Phật dữ Phật nãi năng tri  
Thanh văn ức kiếp tư Phật trí  
Tận kỳ thần lực mạc năng trắc.  
Như Lai công đức Phật tự tri  
Duy hữu Thế Tôn năng khai thị.  
Nhân thân nan đắc Phật nan tri  
Tín huệ văn pháp nan trung nan.**

*Biển trí huệ Như Lai sâu rộng  
Chỉ Phật cùng Phật mới biết được  
Thanh văn ức kiếp suy trí Phật  
Trọn hết thần lực chẳng lường nổi.  
Công đức Như Lai, Phật tự biết  
Chỉ có Thế Tôn khai thị nổi.  
Thân người khó được, Phật khó gặp*

*Tin huệ nghe pháp khó bậc nhất.*

Đây là hai bài kệ thứ năm và thứ sáu, hai bài kệ này tán thán trí tuệ của Phật khó được nghe.

Thế Tôn vì sao nói “*Biển trí huệ Như Lai sâu rộng, chỉ Phật cùng Phật mới biết được*”?

Đây quả thật là vì pháp môn Tịnh độ là pháp khó tin, chẳng những là khó tin, mà còn cực kỳ khó tin. Chúng ta không có trí tuệ, nếu dùng ý của chính chúng ta để suy đoán thì sai rồi. Chẳng những chúng ta không thể suy đoán trí tuệ của Phật, mà Thanh văn, Duyên giác, cho đến Bồ-tát Đẳng giác cũng không có năng lực. Trí tuệ của Phật chỉ có chư Phật biết được.

Phật nói cho chúng ta bộ kinh này là từ trong trí tuệ viên mãn của ngài lưu xuất ra, cho nên Bồ-tát Đẳng giác cũng không biết được. Trí tuệ của Bồ-tát Đẳng giác so với Phật còn kém rất xa. Thế nên trí tuệ viên mãn của chư Phật hiện tiền thì Bồ-tát Đẳng giác cũng chẳng thể hoàn toàn hiểu rõ. Không giống như nói các kinh điển khác, là từ trong trí tuệ viên mãn của Phật chỉ lưu xuất ra ít phần, nên A-la-hán và các Bồ-tát có thể hoàn toàn lý giải; nhưng với kinh Vô Lượng Thọ thì A-la-hán và các Bồ-tát dựa vào năng lực của chính mình chẳng thể lý giải được. Trên hội Pháp Hoa, vì sao 5.000 đệ tử lui ra? Vì nghe không hiểu, không tin.

Thánh giả Tiểu thừa chứng quả A-la-hán, chứng quả Bích-chi Phật, trong thời gian cực kỳ dài lâu, như vậy mà suy lường về trí tuệ của Phật, vận hết thần thông, trí lực cũng chẳng thể biết được Phật trí. Ở đây cũng là nói với chúng ta: tu học các tông phái khác, các pháp môn khác, các kinh luận khác đều chẳng thể nào hiểu trọn được trí tuệ của Phật, vì vậy gọi là pháp khó tin.

*“Công đức Như Lai, Phật tự biết, chỉ có Thế Tôn khai thị nổi”*

Kinh điển như vậy, pháp môn như vậy chỉ có Phật mới có thể khai thị, mới có thể hoàn toàn lý giải. Đại sư Ngẫu Ích trong Di-đà Kinh Yếu Giải đem phẩm Mười Phương Phật Tán Thán xếp vào phần lưu thông, vô cùng có đạo lý, cùng với điều được nói ở đây là cùng một ý nghĩa. Ai có tư cách gánh vác trách nhiệm lưu thông pháp môn Tịnh độ? Chỉ có chư Phật, ngoài Phật ra, Bồ-tát đều không có tư cách gánh vác việc lưu thông Đại pháp. Đại sư Ngẫu Ích đã phán giáo rất có đạo lý, trong kinh này chúng ta cũng nhìn thấy sự tán thán của mười phương Phật. Cho nên bộ

kinh này và các kinh Đại thừa khác không như nhau. Các kinh điển khác, trong các kinh luận Phật thường nói, có năm loại người thuyết kinh là: đệ tử Phật, người trời, tiên nhân, Bồ-tát và Phật. Duy chỉ kinh Vô Lượng Thọ thì ngoài Phật ra, bốn loại người kia đều chẳng thể thuyết được. Bởi vì họ không có trí tuệ viên mãn, đối với chân tướng của vũ trụ nhân sanh, chỉ thấy được cục bộ, chưa thấy được toàn bộ, cho nên họ chỉ có thể nói cục bộ, chẳng thể nói viên mãn. Do vậy, pháp môn Tịnh độ chỉ có Phật mới có năng lực để nói.

*“Chỉ có Thế Tôn mới khai thị”*

Nếu chẳng phải do uy thần của chư Phật Như Lai gia trì, dựa vào chút công phu tu học này của chúng ta thì nhất định chẳng thể lý giải nổi. Cho nên, nhất định phải cầu “chí thành cảm thông”, cầu Phật gia trì. Nếu không phải Phật gia trì, cho dù là người biết thuyết pháp thì cũng chẳng thể nói ra được.

*“Thân người khó được, Phật khó gặp. Tín huệ nghe pháp khó bậc nhất”*

Hai câu kệ này là Phật khuyên chúng ta rằng: thân người khó được, Phật khó gặp, tín huệ nghe pháp khó bậc nhất. Hy vọng chúng ta trân quý cơ duyên vô cùng thù thắng này, cơ duyên khó được, chớ để vuột mất. Phải biết rằng điều chúng ta nghe được là pháp đệ nhất mà hết thảy chư Phật đã nói, sao có thể không đặc biệt trân quý cho được!

**Nhược chư hữu tình sắp thành Phật**

**Hạnh siêu Phổ Hiền đấng bỉ ngạn.**

**Thị cố bác văn chư trí sĩ**

**Ứng tín ngã giáo như thật ngôn.**

*Nếu các hữu tình sắp thành Phật*

*Hạnh hơn Phổ Hiền lên bờ giác.*

*Hỡi những bậc học rộng trí cả*

*Nên tin lời như thật của Ta.*

Đây là bài kệ thứ bảy. Hai câu kệ đầu:

*“Nếu các hữu tình sắp thành Phật. Hạnh hơn Phổ Hiền lên bờ giác”*

Đây là câu văn cực kỳ thù thắng, đọc xong dư vị đọng lại vô cùng, khiến người suy nghĩ sâu xa. Có không ít người xem kinh văn này tâm sanh nghi hoặc, Thích-ca

Mâu-ni Phật giảng kinh liệu có nói quá không? Bồ-tát Phổ Hiền là Bồ-tát Đẳng giác trên hội Hoa Nghiêm, là người đệ nhất dưới Phật Tỳ-lô-giá-na. Phẩm thứ hai của kinh này dạy chúng ta phải tuân theo đức của ngài Phổ Hiền, chúng ta tu hành tuân theo tiêu chuẩn của mười đại nguyện Phổ Hiền, thì làm sao vượt hơn ngài Phổ Hiền được? Có người nêu ra hoài nghi, phía trước nói tuân theo đức của ngài Phổ Hiền, phần sau nói hạnh vượt hơn ngài Phổ Hiền, liệu có phiên dịch sai hay không?

Trước đó chúng tôi đã nói rồi, hai câu kệ này là câu văn cực kỳ thù thắng, thù thắng ở chỗ nào, và cực kỳ ở chỗ nào? Trước tiên nói với mọi người rằng: phiên dịch không hề sai. Phần trước là tuân theo đức của ngài Phổ Hiền, phần sau là hạnh vượt hơn ngài Phổ Hiền đều là nguyên văn tiếng Phạn, chẳng phải phiên dịch có sai lầm. Chẳng những không có sai lầm mà còn tỏ rõ lòng từ bi vô thượng chí cực của Thích-ca Mâu-ni Phật. Ngài móc hết tâm can, đem tâm can mổ phanh ra cho mọi người cùng xem.

Ngài Phổ Hiền là Bồ-tát đại hạnh, đại biểu cho sai biệt trí, dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Nguyện ấy rộng lớn không ngần mé, cúng dường vô lượng, lễ bái vô lượng, hết thấy mọi thứ đều là vô lượng. Dẫn về Cực Lạc, lợi ích cứu giúp vô tận, nên gọi là “nguyện vương”. Vì thế thánh chúng tham gia hội giảng kinh này đều cùng tu hành tuân theo đức của Đại sĩ Phổ Hiền. Nhưng trong kinh Vô Lượng Thọ, Thế Tôn dạy phương tiện bậc nhất trong các phương tiện, pháp viên đốn nhất trong các pháp viên đốn, dùng pháp tín nguyện trì danh, phát tâm Bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm để nhiếp trọn lục độ vạn hạnh, thu tóm trọn vẹn mười đại nguyện vương. Tất cả các pháp này đều được dung hội vào trong một câu Phật hiệu, cũng chính là vô biên hành môn của ngài Phổ Hiền (đại biểu cho sai biệt trí) đều dung hội về nhất hạnh tam-muội của Văn-thù Đại sĩ (Văn-thù đại biểu cho căn bản trí), “buộc tâm nơi một đức Phật, chuyên xưng danh hiệu”.

Một pháp trì danh rộng thu các sự vi diệu. Mười đại nguyện vương của ngài Phổ Hiền, mười cái nguyện lớn, trong mười nguyện lại có mười nguyện, chính là trăm nguyện, chính là vô cùng vô tận. Dẫn về Cực Lạc, hiện nay đem tất cả nguyện này đều nhiếp trọn vào trong một câu Phật hiệu. Tín nguyện trì danh, từ sai biệt trí lại trở về với căn bản trí. Lại từ căn bản trí khởi sai biệt trí, rồi từ sai biệt trí trở về căn bản trí, nâng cao lên. Đây chính là hạnh vượt hơn ngài Phổ Hiền.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!